

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Năm báo cáo: 2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	11
6. Các rủi ro	12
II. Tình hình hoạt động trong năm 2020	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	26
4. Tình hình tài chính	27
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	30
III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	32
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	32
2. Tình hình tài chính	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	34
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	35
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	36
IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị	36
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	36
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	37
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37
V. Báo cáo quản trị Công ty	38
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
2. Ban kiểm soát	39
VI. Báo cáo tài chính	40

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/07/2020
- Vốn điều lệ: 15.775.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.775.000.000đồng
- Địa chỉ: 196 Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0511.3821785
- Số fax: 0511.3893082
- Website: quanlyduongsatqndn@vnn.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DNR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trước năm thành lập: Là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế. Năm thành lập: Từ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế được chuyển thành doanh nghiệp hoạt động công ích theo Quyết định số: 878/1998/QĐ-TCCB-LĐ ngày 17/4/1998.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải Chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 734/2003/QĐ-BGTVT.

- Ngày 29/6/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có quyết định chuyển đổi Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 712/QĐ-ĐS.

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng có Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 9.574.902.070 đồng (Chín tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm linh hai nghìn, không trăm bảy mươi đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/09/2013.

- Đến ngày 08/01/2015, Bộ giao thông vận tải có quyết định số:64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

- Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng khi cổ phần hóa là: 15.775.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/07/2020.

- Ngày 24/6/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng trên thị trường UPCoM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

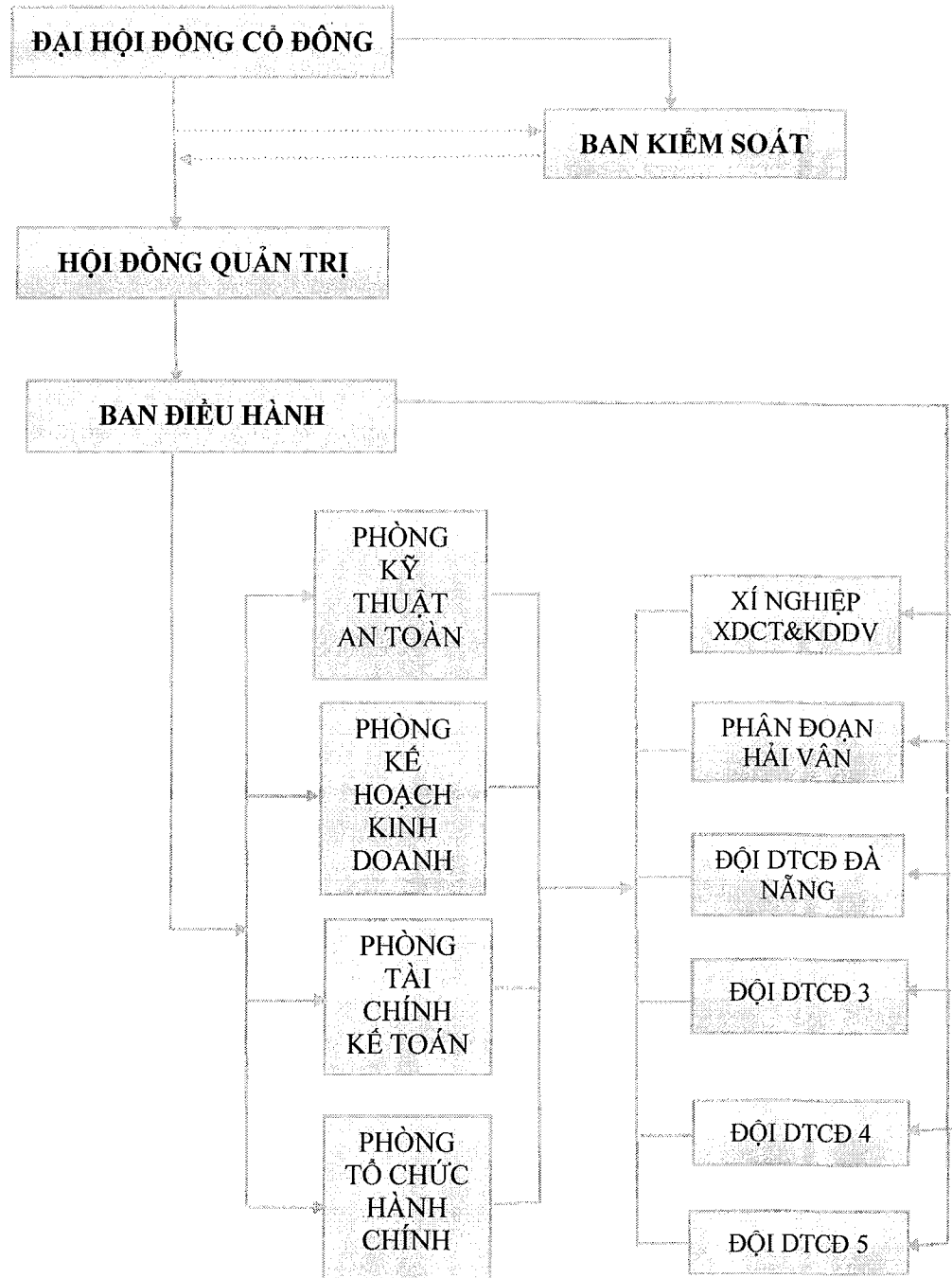
TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt. Xây dựng công trình đường bộ. Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.	4210(chính)
3.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường sắt, đường bộ Chi tiết: Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông	5221
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu	4669
7.	Kiểm tra phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu	7120
8.	Xây dựng công trình công ích	4220
9.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
10.	Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng; tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng.	7110
11.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở chính)	2395
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cầu kiện kim loại, kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở chính)	2511
15.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khoáng sản, kim loại (không hoạt động tại trụ sở chính)	2399
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4752

* Địa bàn kinh doanh: hoạt động chủ yếu ở tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ, tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



Ghi chú: —————> : Quan hệ trực tiếp
> : Quan hệ gián tiếp

*** Bộ máy quản lý của Công ty như sau:**

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

- Ban điều hành:

+ **Giám đốc:** Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ

chức vụ này.

+ Các Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

+ Kế toán trưởng: Giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính- kế toán của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

- Các phòng, ban chức năng:

➤ **Phòng Kỹ thuật – An toàn**

- Chức năng

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, giám sát an toàn chạy tàu, quản lý đất đai trong phạm vi công ty;
- Xây dựng, phổ biến, kiểm tra thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật;
- Lập phương án, thiết kế sửa chữa, gia cố các công trình dọc tuyến;
- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo ATCT, KHKT, PCBL;
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý phạm vi bảo vệ công trình Đường sắt, hành lang ATGTĐS, giám sát an toàn chạy tàu.

- Nhiệm vụ

- Kiểm tra thường xuyên định kỳ, đột xuất trạng thái cầu đường phát hiện kịp thời những biến dạng uy hiếp đến ATCT, tham mưu cho Giám đốc biện pháp xử lý khắc phục để đảm bảo ATCT.
- Tham gia vào công tác điều tra, nghiệm thu SCTX, chỉ đạo thực hiện KHSX
- Lập phương án thi công, biện pháp đảm bảo an toàn cho công tác thi công các công trình.
- Chỉ đạo kỹ thuật, giám sát chất lượng. Nghiệm thu các công trình sửa chữa thường xuyên, khẩn cấp, sửa chữa lớn cầu, đường, ghi.
- Kiểm tra việc thực hiện QTQP của các chức danh tuần gác, các địa điểm thi công trên tuyến.
- Tổ chức hướng dẫn đo đạc, kiểm nghiệm, định lượng các công trình để chủ động trong việc lập hồ sơ hoàn công công trình .
- Hàng quý tổ chức phúc tra để đánh giá trạng thái cầu, đường, ghi và các mặt quản lý khác của các cung cầu, đường, chắn trong công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch các công trình cầu, đường, kiến trúc, đất đai trên tuyến
- Lập báo cáo định kỳ về công tác quản lý kỹ thuật.
- Thường trực tổ chức hội nghị ATCT, PCBL, chống xóc lắc của công ty.
- Theo dõi phạm vi bảo vệ Đường sắt và hành lang ATGT đường sắt được quy định trong Luật đường sắt, Nghị định 39/CP và các thông tư nghị định, văn bản khác hướng dẫn về ATGT đường sắt.

- Đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị kiểm tra, theo dõi phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vi phạm đe dọa đến an toàn các công trình giao thông đường sắt.
- Quan hệ với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... phối hợp tuyên truyền đến toàn dân nâng cao ý thức bảo vệ hành lang ATGT đường sắt, ý thức chấp hành luật lệ ATGT đường sắt.
- Tham mưu cho lãnh đạo soạn văn bản báo cáo định kỳ, đột xuất với địa phương, với ngành về công tác ATGT đường sắt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... các lực lượng chức năng khác tuyên truyền, giải toả, xử lý những vi phạm hành lang ATGT đường sắt

➤ **Phòng Kế hoạch - Kinh doanh**

– **Chức năng**

- Tổ chức, quản lý, điều hành thực hiện công tác kế hoạch phục vụ SXKD của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý vật tư, máy móc thiết bị của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch SXKD kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật tháng, quý, năm, công tác vật tư, tham mưu cho giám đốc về chiến lược SXKD của Công ty.
- Kết hợp với các đơn vị, các phòng chức năng để thanh toán SCTX tháng, quý, năm và thực hiện nhiệm vụ chung của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng kinh tế về kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về thanh quyết toán các công trình.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty thanh lý các hợp đồng kinh tế về xây lắp và mua sắm vật tư, thiết bị.
- Lập các dự án về mua sắm vật tư, thiết bị, dự án xây dựng các công trình.
- Tham gia xây dựng định mức lao động nội bộ công ty.
- Xây dựng nội qui, qui chế về quản lý sử dụng vật tư, thiết bị máy móc trong công ty.
- Phân tích đánh giá báo cáo kết quả về công tác quản lý vật tư thiết bị.
- Đề xuất các phương án nghiên cứu khoa học kỹ thuật cải tiến đổi mới thiết bị.
- Phát hiện đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ những hoạt động kỹ thuật trái với qui định đề phù hợp với tình hình sản xuất của đơn vị.
- Mua sắm, cấp phát vật tư kịp thời cho công tác SCTX và các công trình.
- Quan hệ mật thiết các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của công ty để thống nhất số liệu, giải quyết tốt những vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ.
- Ngoài ra trực tiếp tham gia mua sắm một số vật tư quan trọng và máy móc thiết bị của công ty.

- Kiểm soát xuất nhập hàng hoá vật tư sắp xếp hàng hoá trong công ty, tổ chức bốc xếp, vận chuyển vật tư trong nội bộ công ty.
- Tham gia xây dựng, sửa đổi định mức lao động phù hợp với thực tế của công ty

➤ **Phòng Tổ chức - Hành chính**

– **Chức năng**

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động, công tác bảo vệ an ninh trật tự và công tác bảo vệ vật tư, thiết bị đường sắt ở các đơn vị.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác hành chính, quản trị thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ và quản lý nhà ở tập thể, nhà làm việc của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý Y tế và chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV.

– **Nhiệm vụ**

- Chủ trì nghiên cứu đề xuất và chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc được phân công trên cơ sở các quy định của nhà nước của ngành, gồm các việc
- Xây dựng cơ cấu và tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng cơ cấu lao động, định biên của các đơn vị, bộ phận.
- Tổ chức việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch BHLĐ và các kế hoạch khác theo quy định.
- Xây dựng nội qui, qui chế phương án làm việc và biện pháp thực hiện.
- Tham mưu cho lãnh đạo về quản lý nhân lực bố trí đủ, đúng cán bộ, nhân lực cho các phòng, các đội sản xuất thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thường trực Hội đồng xây dựng định mức lao động nội bộ của Công ty.
- Triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước và của ngành về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động đến toàn thể CBCNV.
- Quan hệ mật thiết với các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp để thống nhất về số liệu giải quyết tốt những vấn đề về nghiệp vụ chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch công tác bảo vệ an ninh trật tự hàng năm.
- Quan hệ các đơn vị địa phương để thực hiện tốt công tác bảo vệ đường sắt.
- Quản lý nghiệp vụ Hành chính, tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ.
- Tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện công tác Lễ nghi, khánh tiết.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát tổ, nhóm, cán bộ công nhân viên làm việc hàng ngày, đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời.
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư lưu trữ theo quy định.

- Lập kế hoạch tổ chức công tác phục vụ đời sống và mua sắm thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Phối hợp với các phòng ban tham mưu giúp Giám đốc tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra các phương tiện BHLĐ, môi trường và điều kiện làm việc, lao động để giảm bớt tối thiểu về TNLĐ. Đề xuất các biện pháp phòng và khống chế bệnh nghề nghiệp.
- Thường trực cấp cứu các trường hợp bị tai nạn do bệnh tật, lao động.
- Quản lý sức khỏe theo đúng đối tượng cùng với y tế tuyến trên khám sức khỏe định kỳ hằng năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám tuyển dụng lao động. Lập hồ sơ quản lý sức khỏe CBCNV.
- Quản lý hồ sơ y tế.
- Quản lý dược và tài sản Công ty trang bị cho phòng
- Quản lý các chức danh thuộc phòng quản lý.

➤ **Phòng Tài chính - Kế toán**

– **Chức năng**

- Quản lý tài chính của công ty : Quản lý vốn và Quản lý TSCĐ.
- Thống kê hạch toán kinh tế của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Hướng dẫn, đôn đốc; kiểm tra và thu nhập đầy đủ, kịp thời tất cả chứng từ kế toán của công ty.
- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng mọi nội dung công việc kế toán của công ty.
- Giúp giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phân tích mọi hoạt động tài chính của công ty. Kiểm tra kế hoạch thu chi để phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động vi phạm chế độ tài chính của nhà nước.
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty công tác thu hồi vốn của các công trình trong và ngoài sản xuất chính.
- Ngoài ra còn phải tham gia công tác kiểm kê TSCĐ và tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo qui định.

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, không để tai nạn trở ngại chậm tàu do chủ quan gây ra.
- + Hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn.
- + Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- + Giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu, bảo quản cầu đường.

- + Thi công các công trình ngoài
- + Đảm bảo an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn lao động chết người.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Đường sắt về kết cấu hạ tầng, các chiến lược phát triển trung và dài hạn sau :

- + Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.
- + Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Mục tiêu đối với môi trường: Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng các trang bị, đầu tư các các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

+ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương. Thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt để đảm bảo ATCT tuyệt đối; không có tai nạn sự cố chạy tàu do chủ quan, hạn chế thấp nhất các vụ việc, sự cố tai nạn chạy tàu do khách quan; không để xảy ra TNLĐ chết người. Tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội trên cơ sở mở rộng sản xuất.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế :

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid – 19 khiến nền kinh tế của các nước gặp nhiều khó khăn, trì trệ và suy thoái bao gồm chuỗi sản xuất – cung ứng – tiêu dùng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng dương trong năm 2020 đạt 2,91% và ở mức thấp nhất. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Bên cạnh đó, với sự điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả của Ngân hàng Trung ương, các chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số lạm phát cũng được kiểm soát tốt ở mức dưới 4%. Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng là một chủ thể trong nền kinh tế nên mọi thay đổi, biến động từ kinh tế thế giới hay kinh tế trong nước đều ảnh hưởng đến Công ty và các bên liên quan. Vì thế, Công ty luôn thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế lẫn chính trị để đưa ra các chiến lược trung và dài hạn phù hợp.

- Rủi ro đặc thù ngành đường sắt:

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của Công ty đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển ngành xây dựng cơ bản. Ngành đường sắt là một ngành mang tính đặc thù,

đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng. Do đó lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách chế độ đối với người lao động đều được xem là rủi ro đáng quan tâm. Bên cạnh đó, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt. Công ty sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần cùng như việc khẳng định vị thế của mình trong ngành.

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố; Tình trạng Người và phương tiện không chấp hành luật lệ giao thông khi qua đường ngang biển báo, tự ý băng qua đường sắt, tự mở lối đi dân sinh đã gây không ít khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn chạy tàu là những rủi ro cần thiết phải tính đến.

Khu vực miền Trung là nơi có dải đất hẹp, độ dốc lớn, sông suối nhiều. Do đó vào mùa mưa bão, lũ lụt, nguy cơ xói lở, trôi đường, cây đổ vào đường sắt, đá trôi từ trên đồi xuống lấp hết miệng cống, ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu là rất lớn. Để hạn chế, giảm thiểu rủi ro trên, hàng năm, Công ty luôn chú trọng công tác phòng chống lụt bão, từ việc dự trữ vật tư, máy móc thiết bị sẵn sàng ứng phó thiên tai cho đến việc đầu tư gia cố chống xói lở nền đường và các loại máy móc thiết bị khác để đảm bảo kịp thời khi cần ứng cứu.

Với lịch sử hơn 100 năm hình thành và phát triển, ngành đường sắt Việt Nam từng là phương tiện vận chuyển chiếm ưu thế so với các loại hình vận tải khác. Tuy nhiên trước xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở đường cho một loạt các phương thức vận tải khác như: đường bộ, đường biển, hàng không với đặc điểm tiết kiệm thời gian, linh hoạt cao hơn so với đường sắt. Vì vậy hàng năm, Công ty luôn có kế hoạch phát triển khoa học công nghệ, tích cực đầu tư thiết bị dài hạn và ngắn hạn, thêm vào đó là tiếp tục khai thác hiệu quả nhất kết cấu hạ tầng hiện có, đa dạng hóa dải vé, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải.

- Rủi ro giá nguyên vật liệu:

Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, xây dựng công trình giao thông đường sắt. Nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công Ty. Do vậy, giá của các loại nguyên vật liệu tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đầu vào của Công ty, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng, điều đó sẽ tác động không tốt lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế những tác động của rủi ro giá nguyên vật liệu, Công ty luôn giữ mối quan hệ tốt với nhà cung cấp để có nguồn hàng ổn định với mức giá cạnh tranh tránh trường hợp giá cả bị biến động

- Rủi ro luật pháp:

Công ty hoạt động dưới mô hình là công ty cổ phần, đồng thời đã trở thành công ty đại chúng và được đăng ký giao dịch (UPCOM) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nên tất cả mọi hoạt động của Công ty đều được chịu tác động bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Đường sắt,... và các văn bản dưới luật. Trong

đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và Luật Đường sắt cùng các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện. Những thay đổi về yếu tố pháp lý luôn ít nhiều làm ảnh hưởng đến công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty luôn chú trọng cập nhật và theo dõi những thay đổi pháp luật hiện hành để đưa ra các mục tiêu, kế hoạch phù hợp hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro đã đề cập ở trên thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng nhiều cách như: mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ... để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản khi có rủi ro xảy ra..

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

**** Tình hình chung của ngành đường sắt năm 2020:***

Năm 2020 là một năm tương đối khó khăn đối với ngành vận tải đường sắt cả nước nói chung và Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng nói riêng. Ngành đường sắt chịu tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, đồng thời bão lũ xảy ra rất nhiều tại miền Trung vừa qua đã khiến sản lượng vận tải hành khách sụt giảm nghiêm trọng và sẽ gặp nhiều khó khăn trong những năm tới. “Những khó khăn nội tại về hạ tầng là điểm nghẽn và yếu, không thể làm một sớm một chiều trong thời gian ngắn mà trong thời gian dài về nhận thức, đầu tư, quản lý bảo trì; bộ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn về định mức kinh tế kỹ thuật bảo trì đầu tư hạ tầng đường sắt là cực kỳ cũ và lạc hậu vì có nhiều yếu tố đặc thù; tái cơ cấu bộ máy VNR chậm tác động đến nhiều hoạt động quản lý khai thác kết cấu hạ tầng,” Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông cho hay.

Theo báo cáo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, trong năm 2020 an toàn giao thông đường sắt có những kết quả tích cực. Tính chung cả năm cải thiện tốt hơn so với năm 2019, giảm được cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; kiểm soát được tai nạn do chủ quan, giảm tai nạn đặc biệt nghiêm trọng. Cụ thể như: số vụ tai nạn giao thông đường sắt là 91 vụ, giảm 166 vụ so với năm 2019, trong. Số người chết là 39 người; số người bị thương là 23 người, giảm 157 người. Để đạt những kết quả tích cực trong công tác giao thông ngành vận tải đường sắt đã siết chặt các giải pháp ngăn ngừa tai nạn, sự cố do chủ quan, trong đó đẩy mạnh áp dụng công nghệ để tăng cường giám sát.

*** Bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty:**

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2020/Năm 2019 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.915	99,77%	158.209	99,73%	119,03%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	311	0,23%	430	0,27%	138,31%
Tổng cộng	133.226	100,00%	158.639	100,00%	119,08%

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có sự thay đổi tích cực so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 158,21 tỷ đồng tăng 19,03% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác tăng 38,31% so với năm 2019 đạt 430 triệu đồng. Nhìn chung, doanh thu trong năm 2020 đã đạt kế hoạch đề ra và giữ được mức ổn định.

Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng 86,34% doanh thu thuần, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn một số vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt, Công ty còn xây dựng các mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng, hợp đồng với các nhà cung ứng thông qua chào hàng cạnh tranh rộng rãi theo quy định của Pháp luật, gồm: Công ty cổ phần đá Chu Lai, Công ty cổ phần cơ khí đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV vật tư Đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh, Công ty CP cơ khí cầu đường Hà Ninh... Vì vậy, giá vốn hàng bán được duy trì ổn định (tăng khoảng 22,67% so với năm trước), nằm trong sự kiểm soát và dự tính của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:**2.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Xuân Phú	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Minh Nghĩa	Thành viên HĐQT – Giám đốc
3	Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT- Phó GD

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Xuân Phú	Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/06/1974
Số CMND	201774503 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2014
Nơi sinh	Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 75 đường Lý Triện- Phường An Khê - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0945134787
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ chuyên ngành QTKD
Quá trình công tác:	
- Từ T4/1994 - T12/1995	Tập sự kỹ thuật – Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình Đường sắt
- Từ T1/1996- T12/1996	Cán bộ Kỹ thuật cầu đường sắt; Phó bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T01/1997- T12/1997	Cán bộ Kỹ thuật cầu đường sắt; Bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T1/1998- T3/2001	Phó ban Phụ trách Kế hoạch-Kỹ thuật; UVBCH Đảng bộ bộ phận; Phó BT chi bộ 2; UVBCH Công đoàn; Bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T4/2001- T12/2003	Phó GD Phụ trách Kế hoạch-Kỹ thuật; UVBCH Đảng bộ bộ phận; Bí thư chi bộ 2; UVBCH Công đoàn; Bí thư Đoàn TN- Xí nghiệp công trình 793- Xí nghiệp Liên hợp công trình đường sắt
- Từ T1/2004 – T12/2004	Phó phòng kế hoạch- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T1/2005 – T9/2005	Phụ trách phòng kế hoạch- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình

- Từ T10/2005 – T10/2006	Trưởng phòng kế hoạch- Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T11/2006 – T06/2011	Trưởng phòng kế hoạch; UVBCH Đảng bộ CT; Phó BT chi bộ cơ quan; UVBCH Công đoàn Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình
- Từ T09/2011 – T02/2012	Chuyên viên phòng kế hoạch- Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T03/2012 – T05/2013	Chuyên viên phòng kế hoạch, Kỹ thuật; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T05/2013 – T07/2014	Trưởng phòng Kỹ thuật, tư vấn giám sát; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T08/2014 – T05/2015	Phó giám đốc, UV BCH Chi ủy; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T06/2015 – T12/2016	Phó giám đốc, Phó bí thư chi bộ; Phó chủ tịch Công đoàn Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T01/2017 – T06/2019	Phó giám đốc, Phó bí thư chi bộ Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 2
- Từ T07/2019 – T6/2020	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty, UV BTV Đảng ủy Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ T7/2020 đến nay	Ủy viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty, Bí thư Đảng ủy Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	402.263 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam , chiếm 25,50% Vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:	không

Ông Trần Minh Nghĩa	Chức vụ: Giám đốc Công ty
Ngày sinh	05-10-1981
Số CMND	201715460 – CA TP Đà Nẵng
Nơi sinh	Đồng Hới – Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tổ 86, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0912147523
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác:	
- Từ T10/2004 - T5/2005	Kỹ thuật viên, Đội DTCD Đà Nẵng thuộc Công ty quản lý đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ T6/2005 - T02/2012	Chuyên viên Phòng Kế hoạch thuộc Công ty quản lý đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ T03/2012 - T02/2016	Phó phòng Kế hoạch thuộc Công ty quản lý đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Từ T03/2016 - T4/2019	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh thuộc Công ty CPĐS Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Từ T5/2019 - 11/8/2019	Phân đoạn trưởng phân đoạn Hải Vân thuộc Công ty CPĐS Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Từ 12/8/2019 - T10/2019	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh thuộc Công ty CPĐS Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Từ T11/2019 - T6/2020	Phó Giám đốc
- Từ T7/2020 đến nay	Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.738CP (chiếm 0,11% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	402.262 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam , chiếm 25,50% Vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Ông: Huỳnh Văn Sơn	Chức vụ: Thành viên HĐQT- kiêm PGĐ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/11/1962
Số CMND	200084911 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 15/3/2015
Nơi sinh	Hải Châu 2 - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K572/136 Ông Ích Khiêm - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913403957
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1982 - t10/1992	Kỹ thuật viên
- Từ T11/1992 - T3/2000	Cán sự phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2000 - T7/2003	Phân đoạn phó - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T11/2005	Phân đoạn phó - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/2005 - T12/2010	Phó Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.022 CP (chiếm 0,76% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.2. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Minh Nghĩa	Giám Đốc
2	Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
3	Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc
4	Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành

Ông: Trần Minh Nghĩa	Chức vụ: Giám đốc
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

Ông: Huỳnh Văn Sơn	Chức vụ: Phó Giám đốc
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

Ông Huỳnh Văn Việt	Chức vụ: Phó Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	09/10/1962
Số CMND	200997091 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2011
Nơi sinh	Thị xã Đông Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/18 Ông Ích Khiêm - Phường Tam Thuận - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913407308
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác:	
- Từ T8/1981 - T6/1987	Thợ điện Xí Nghiệp Đầu Máy
- Từ T7/1987 - T12/1989	Hợp tác lao động nhà máy xe lửa - Bungari
- Từ T1/1990 - T1/2000	Thợ điện ga Đà Nẵng
- Từ T2/2000 - T3/2001	Nhân viên phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2001 - T7/2003	Phó phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

- Từ T8/2003 - T5/2009	Phó phòng Vật tư - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2009 - T12/2010	Phó Giám Đốc - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	14.502CP (chiếm 0,92% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Bà Phan Thị Lan Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	20/12/1976
Số CMND	201245946 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 17/7/2012
Nơi sinh	Tam Phú - Tam Kỳ - Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	34 Nguyễn Đức Cảnh- Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0905337911
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T1/1999 - T5/2002	Kế toán viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2002 - T7/2003	Chuyên viên tiền lương - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T10/2007	Chuyên viên tiền lương - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T11/2007 - T11/2008	Kế toán viên

- Từ T12/2008 - T12/2010	Phó phòng kế toán
- Từ T1/2011 - T6/2013	Phó phòng kế toán - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T7/2013 - T12/2015	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.716CP (chiếm 0,36% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Võ Thị Hồng Linh	Thành viên ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Kim Tú	Thành viên ban kiểm soát

Lý lịch Ban kiểm soát:

Bà: Nguyễn Thị Thu Hương	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	30/9/1975
Số CMND	201274003 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/9/2007
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 77/26D Lê Độ - Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0915852987

Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác:			
- Từ T10/1996 - T7/2003	Thống kê - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T8/2003 - T12/2005	Thống kê - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2006 - T12/2010	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2011 - T5/2012	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T6/2012 - T12/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2016 đến nay	Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.316CP (chiếm 0,21% VDL)		
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0CP		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		
Những khoản nợ đối với Công ty	Không		
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không		
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần			
Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Phạm Trung Kiên	Chồng	201615005	1.520 cổ phần tương ứng 0,10% / VDL

Bà Võ Thị Hồng Linh	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	23/01/1974
Số CMND	201338948 Công an Đà Nẵng cấp ngày 23/02/2012
Nơi sinh	Bắc Thái, Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/12 Ông Ích Khiêm, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0912400545
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T11/1995 - T3/2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng
- Từ T3/2002 - T12/2015	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 - T9/2017	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.520 CP (chiếm 0,10% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Bà : Nguyễn Thị Kim Tú	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	22/8/1990
Số CMND	201587898 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/11/2014
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	461/21 Hải Phòng – P.Chính Gián - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc	0934899089
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ T1/2015 – T11/2017	Nhân viên thống kê Đội DTCD ĐN – Công ty CP Đường sắt QN-ĐN
- Từ T12/2017 – T5/2018	Nhân viên phòng Dịch vụ – Công ty CP Đường sắt QN-ĐN
- Từ T6/2018 – đến nay	Nhân viên phòng TCHC – Công ty CP Đường sắt QN-ĐN
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát, thống kê tiền lương phòng TCHC
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	938 CP (chiếm 0,06% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.4. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

Năm 2020, trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty có thay đổi như sau:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24/6/2020, nhất trí thông qua kết quả nhiệm kỳ 2016-2021:

- Miễn nhiệm chức danh: Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Tý, và Kiểm soát viên đối với ông Đỗ Quốc Khánh.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Phú làm Chủ tịch HĐQT và miễn nhiệm Giám đốc Công ty với ông Nguyễn Xuân Phú.

- Bổ nhiệm ông Trần Minh Nghĩa làm Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, và là người đại diện theo pháp luật Công ty

- Bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát là bà Nguyễn Thị Kim Tú

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

* Số lượng CBCNV trong công ty (đến ngày 31/12/2020):

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	602	
1	Trên đại học	5	
2	Đại học	65	10,80%
3	Cao đẳng	1	
4	Trung cấp	63	10,47%
5	CNKT	468	77,74%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	602	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	602	100,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ		
C	Theo giới tính	602	
1	Nam	368	61,13%
2	Nữ	234	38,87%

* Chính sách đối với người lao động: gồm chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...:

Công ty luôn đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc. Công ty thực hiện chế độ khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Công ty, của ngành, của Nhà nước.

Đồng thời, Công ty luôn chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2020, Công ty đầu tư thực hiện một dự án về máy móc thiết bị, dự án còn lại đang tiếp tục thực hiện trong năm 2021 như sau: (Giá trị chưa có thuế VAT)

- Máy chèn đường TQ (03 bộ), tổng giá trị: 745.500.000,đồng
- Mua xe ô tô 7 chỗ, tổng giá trị: 1.004.045.455,đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	72.456.452.793	103.685.530.627	143,10%
Doanh thu thuần	132.914.508.109	158.208.717.433	119,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.361.705.807	5.180.965.961	118,78%
Lợi nhuận khác	-114.129.535	-592.416.379	519,07%
Lợi nhuận trước thuế	4.247.576.272	4.588.549.582	108,03%
Lợi nhuận sau thuế	3.387.053.662	3.873.525.412	114,36%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.673	1.800	107,59%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	

Năm 2020 là một năm khó khăn đối với ngành đường sắt cả nước nói chung và Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng nói riêng. Riêng trong năm vừa qua các đợt lũ đã nhiều lúc làm tê liệt nhiều tuyến đường sắt ở miền Trung và tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp tại Đà Nẵng và trên cả nước đã gây ra không ít ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên vượt lên các khó khăn, Công ty tham gia đảm nhiệm các công trình ngoài nên tình hình vào những tháng cuối năm có khả quan hơn, và doanh thu của Công ty ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2019 đạt khoảng 158,21 tỷ đồng tăng 19,03%, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cũng tăng 18,78% đạt 5,18 tỷ đồng. Chi phí lãi vay giảm 20,25% đạt 129,7 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Các khoản chi phí bán hàng và giá vốn hàng bán của Công ty không có sự thay đổi nhiều trong năm vừa qua.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,19	1,14
+ Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	1,03	0,89
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,50	80,05
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	263,59	401,19
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	12,17	9,47
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,83	1,53
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,55	2,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,48	23,04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,67	3,74
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,28	3,27

- Về khả năng thanh toán: Trong năm 2020, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ở mức tốt, thể hiện rằng Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,14 lần, và khả năng thanh toán nhanh đạt 0,89 lần trong năm.

- Về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty đều tăng so với năm 2019 lần lượt là 7,55% và 137,6%, chủ yếu là do Công ty gia tăng thêm các công trình

ngoài thuộc dự án 7000 tỷ, nên phát sinh chi phí vật tư lớn, hiện vẫn đang dở dang và tiếp tục trong năm 2021. Do đó thực chất khi hoàn thành các công trình, Công ty sẽ thanh toán đầy đủ các khoản nợ này, đảm bảo hệ số nợ quy định cho phép.

- Về khả năng năng lực hoạt động: Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty trong năm có xu hướng giảm nhẹ, nguyên nhân là do chi phí các nguyên vật liệu tăng để đảm bảo an toàn chạy tàu và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như: ROS, ROE, ROA của Công ty trong năm 2020 được thể hiện: chỉ tiêu ROE với mức tăng 2,56%, tiếp theo ROS và ROA giảm lần lượt 0,1% và 0,93, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2019, đạt giá trị 3,874 tỷ đồng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.577.500 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/CP

5.2. Cơ cấu cổ đông:

* Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty gồm 01 cổ đông:

Tên Cổ đông là: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, chiếm giữ 51% vốn CP

Địa chỉ: 118 Lê Duẩn, TP Hà Nội.

* Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	804.525	51,06%			804.525	51,00%
2. Cổ đông nội bộ:						
(Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	39.752	2,52%			39.752	2,52%
3. Cổ đông trong công ty:	690.942	43,85%			690.942	43,80%
Cổ phiếu quỹ						
Cán bộ công nhân viên	690.942	43,85%			690.942	43,80%
4. Cổ đông ngoài công ty:	40.581	2,58%	1.700	100,00%	42.281	2,68%
Cá nhân	40.581	2,58%	1.700	100,00%	42.281	2,68%
Tổ chức	0					
Tổng	1.575.800	100,00%	1.700	100,00%	1.577.500	100,00%

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là cổ đông sở hữu cổ phần chi phối (51%) đối với Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2020 Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư nào của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: không có đợt phát hành chứng khoán khác thực hiện trong năm.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, là các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo... như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện

Trong đó:

- Xăng: khoảng 14.559,4 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Dầu diezen: khoảng 67.484 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng, máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...
- Dầu nhớt, nhớt các loại: khoảng 4.074,8 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Điện: khoảng 239.689 KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn công ty.

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty đã ký hợp đồng mua nước tại các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty, Đối với những khu vực (đặc biệt trên đèo Hải Vân) không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Lượng nước sử dụng trong năm 2020 khoảng: 6.753m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động.

Trong năm 2020, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động*** Chính sách đào tạo:**

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- + Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- + Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- + Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

- Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

*** Chế độ khen thưởng:**

Chế độ khen thưởng cho CBCNV của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- + Thưởng cho các đơn vị, cá nhân CBCNV Công ty có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty;
- + Thưởng các tập thể, cá nhân ngoài ngành đường sắt, ngoài Công ty có nhiều thành tích đóng góp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Các chế độ bảo hiểm**

+ Mọi CBCNV Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động.

+ Công ty hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài từ đỉnh đèo Hải Vân đến Núi Thành (qua thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam) nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

*** Sinh hoạt đoàn thể:**

+ Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng uỷ và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng công

ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức ngày hội thao của Công ty, tổ chức ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, kỷ niệm ngày 8/3, 20/10 cho chị em nữ CNVC Công ty và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng... , cụ thể phụng dưỡng 02 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh, thành phố xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác,... qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể CBCNV Công ty với nhau và với xã hội.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2020/TH2019	TH2020/KH2020
Doanh thu thuần	132.915	157.018	158.209	119,03%	100,76%
Giá vốn hàng bán	111.356	135.113	136.600	122,67%	101,10%
Doanh thu hđ tài chính	181	200	417	230,27%	208,67%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý DN	17.378	17.000	16.845	96,93%	99,09%
Lợi nhuận từ HĐKD	4.362	5.105	5.181	118,78%	101,49%
Thu nhập khác	130	100	13	9,88%	12,82%
Chi phí khác	244	400	605	248,15%	151,31%
Lợi nhuận khác	-114	-300	-592	519,07%	197,47%
Lợi nhuận trước thuế	4.248	4.805	4.589	108,03%	95,50%
Lợi nhuận sau thuế	3.387	3.844	3.874	114,36%	100,77%
EPS (đồng/cổ phiếu)	1.673		1.800		

Năm 2020, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng đã hoàn thành kế hoạch đề ra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng so với năm 2019. Cụ thể, doanh thu thuần đạt khoảng 158,21 tỷ đồng tăng 19,03% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt mức 4,589 tỷ đồng tăng 8,03% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao (chiếm hơn 86% doanh thu thuần) dẫn đến lợi nhuận không cao. Đặc thù ngành là vậy nhưng với nỗ lực kiểm soát đầu vào, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm đạt mức 5,2 tỷ đồng tăng 18,78% so năm 2019. Mặt khác, do tiết kiệm, tiết giảm chi phí đến mức thấp nhất theo chủ trương của lãnh đạo Công ty nên chi phí tài chính, chi phí bán hàng cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp đạt khoảng 17,45 tỷ, giảm được 0,97% so với năm 2019.

Doanh thu thuần tăng đạt 100,76% so với kế hoạch đặt ra, lợi nhuận sau thuế đạt 114,36%, tăng 14,36% so với cùng kỳ năm trước, và đạt 100,77% so với kế hoạch được giao khoảng 3,87 tỷ đồng. Từ đó cho thấy sự nỗ lực không ngừng trong công tác kiểm soát các chi phí đầu vào, chi phí quản lý, chi phí khác,... của Công ty và đã có nhiều chuyển biến tích cực.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020	TH2020/TH2019
Tài sản ngắn hạn	62.592	94.263	86,39%	90,91%	150,60%
Tài sản dài hạn	9.864	9.422	13,61%	9,09%	95,52%
Tổng tài sản	72.456	103.686	100,00%	100,00%	143,10%

Trong năm 2020, tình hình tài sản của Công ty có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 103,69 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 94,26 triệu đồng tăng 50,60% so với năm trước. Nguyên nhân là tiền và các khoản tương đương tiền tăng gấp 3 lần từ 1,544 tỷ đồng lên 4,667 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó khoản phải thu ngắn hạn tăng 30,21% từ 52,71 tỷ đồng lên 68,63 tỷ đồng so với năm 2019.

- Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các tài sản cố định hữu hình, cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1. Nhà cửa, VKT	10.599.231.695	3.023.276.090	28,52%
2. MMTB	10.357.033.815	3.514.354.192	33,93%

3. Phương tiện VT	7.018.403.159	1.116.877.622	15,91%
4. Thiết bị d.cụ QL	331.636.364	177.677.364	53,58%
Cộng	28.306.305.033	7.832.185.268	27,67%

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	1.166.108.557	1.067.058.296	91,51%
Cộng	1.166.108.557	1.067.058.296	91,51%

Tài sản dài hạn năm 2020 giảm 4,48% so với năm 2019, đạt 9,42 tỉ đồng. Tài sản dài hạn giảm trong năm chủ yếu là do trích khấu hao TSCĐ.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020	TH2020/ TH2019
Nợ ngắn hạn	52.529	82.998	100,00%	100,00%	158,00%
Nợ dài hạn	0	0	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng nợ phải trả	52.529	82.998	100,00%	100,00%	158,00%

Trong năm 2020, tình hình nợ phải trả có xu hướng tăng so với năm 2019, mức tổng nợ phải trả trong năm 2020 đạt 82,99 tỷ đồng tăng 58% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: 100% chủ yếu là các khoản Nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng công nghệ mới trong XD/CB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.

- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.

- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.

- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhập phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác

mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong công ty... . Khai thác và sử dụng hệ thống camera hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông đường sắt tại các điểm chắn đường có gác.

- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức. Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2030, về kết cấu hạ tầng như sau:

- Mục tiêu cụ thể: Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển: Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuột - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận; Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái; Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của Công ty, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác như sau:

+ Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch phát triển, bồi dưỡng và đào tạo lực lượng lao động có tay nghề, bậc thợ cao, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ được giao.

- + Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng cường công tác quản trị giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Thực hiện hoàn thành 100% mục tiêu khối lượng, tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ đề ra, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lịch tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.
- + Triển khai thực hiện hiệu quả tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản
- + Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác quyết toán với Chủ đầu tư, đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành; thanh toán, quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.
- + Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, sử dụng vật tư. Sử dụng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.
- + Nâng cao quản trị chất lượng nội bộ. Hệ thống giám sát nội bộ tiếp tục được củng cố để kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đảm bảo nhất quán trong việc kiểm soát chất lượng của mọi sản phẩm dịch vụ.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của công ty.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1. Tổng quan:

Năm 2020 là một năm khó khăn của các nền kinh tế trên toàn thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỉ qua. Kéo theo đó các ngành cũng bị ảnh hưởng theo. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đường sắt QNĐN với sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban điều hành Công ty và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua, một số chỉ tiêu tài chính vượt kế

hoạch đề ra. Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và định hướng của Hội đồng quản trị. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.

1.2. Những kết quả đạt được:

Năm 2020 mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp làm công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, nhưng với những giải pháp đúng đắn Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020. Bên cạnh việc luôn đảm bảo ATCT, giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu bảo dưỡng cầu đường, Công ty đã chủ động đẩy mạnh tìm kiếm ký kết thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt để tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBCNV, cụ thể:

- Sản lượng đạt: 174,461 tỷ đồng, đạt 110,38% so với năm 2019.
- Tiền lương CBCNV đạt 10.510.000 đồng/người/tháng tăng 7,41% so với năm 2019.
- Lợi nhuận đạt 3,874 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch được duyệt, tăng 14,4% so với năm 2019.
- 100% người lao động có việc làm ổn định.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại. Năm 2020, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Bộ máy kiểm soát đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm soát, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty.

1.3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2020, HĐQT đánh giá công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như: việc thanh quyết toán các công trình và thu hồi công nợ còn chậm; lực lượng nhân sự trình độ cao còn thiếu, công nhân trẻ chưa có kinh nghiệm công tác, tay nghề còn yếu; các dự án, công trình nhất là các công trình đường sắt không nhiều, trong khi đó còn phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn,...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty:

Hội đồng Quản trị giám sát Ban điều hành Công ty thông qua việc kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Năm 2020, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, triển khai hoàn thành tốt các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện có nhiều khó khăn do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao, sự thay đổi trong công tác giao vốn...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD trong giai đoạn 2016-2020, với phương châm trong nhiệm kỳ tới là: “**Kỷ cương – Đổi mới- An toàn – Chất lượng –**

Hiệu quả”, giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Nghiên cứu đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, Huy động các nguồn vốn hợp pháp để tiếp tục đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, đồng thời mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, đáp ứng kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động.

Trước những khó khăn thách thức, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành công ty và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021, cụ thể:

- Sản lượng, doanh thu tăng 10% so với năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế tăng 5% so với năm 2020.
- Thu nhập bình quân người lao động tăng 5% so với năm 2020.
- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định.
- Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng.
- Giảm tỷ lệ xóc lắc trên tuyến so với năm 2020 theo chỉ đạo của Tổng cty.
- Không để xảy ra sự cố, tai nạn nghiêm trọng do chủ quan.

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2020 HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng với sự tham gia của các cán bộ chủ chốt Công ty: Ban Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các trưởng phó phòng ban nghiệp vụ; ban hành 25 nghị quyết, quyết định, chỉ đạo xây dựng, thông qua nhiều quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và những năm tiếp theo. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất tại cuộc họp là định hướng quan trọng để Ban điều hành công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty. Ngoài các cuộc họp nêu trên HĐQT đã thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

*** Công tác giám sát đối với Giám đốc công ty:**

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã có các cuộc họp cùng với Ban giám đốc xây dựng, điều hành các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Mối quan hệ quản trị và điều hành Công ty giữa HĐQT và Giám đốc công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về quản trị công ty.

Hàng quý, Giám đốc công ty đều gửi báo cáo tài chính cho HĐQT. HĐQT cũng thường xuyên chỉ đạo Giám đốc thực hiện công tác kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định Đại hội đồng cổ đông.

*** Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý.**

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công việc đã tham mưu cho Giám đốc kịp thời và hiệu quả.

*** Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển của Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều hành công ty.

*** Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban.

2. Ban kiểm soát:**2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Đầu năm 2020, căn cứ Điều lệ Công ty, căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, căn cứ đặc điểm tình hình của Công ty, Ban kiểm soát lập chương trình kiểm soát năm 2020. Ban kiểm soát triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020.

- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo của Công ty năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc.

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát như quy chế đã quy định, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2020.

Ngoài ra, Trưởng BKS được tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các phòng ban nghiệp vụ để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

2.2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban giám đốc:

*** Hội đồng quản trị:**

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp, ban hành 25 nghị quyết, quyết định liên quan trực tiếp đến việc định hướng sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, sử dụng nguồn khấu hao TSCĐ 2020, phê duyệt lựa chọn nhà thầu cho dự án đầu tư và quyết định liên quan đến sử dụng lao động, kế hoạch tiền lương năm 2020.

Về thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm qua, HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hằng quý HĐQT họp theo định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác quý trước và đề ra chương trình của quý sau, trong năm HĐQT còn có nhiều cuộc họp đột xuất. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong Biên bản cuộc họp và có Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao cho Giám đốc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2020 về các mặt của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2021.

*** Ban Giám đốc và cán bộ quản lý:**

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả tương đối ổn định và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. Giám đốc họp Ban điều hành bàn bạc, thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho công ty đại chúng.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn về PCCC được đảm bảo tốt.

Thu nhập tiền lương và thu nhập khác của CBCNV và người lao động thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra.

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm.

VI. Báo cáo tài chính



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

1
2
3
4
5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/07/2020.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Ủy ban Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ: 16.775.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 1.577.500 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: DNR

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Phú	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/06/2020
Ông Trần Minh Nghĩa	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Kim Tú	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24/06/2020
Ông Đỗ Quốc Khánh	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 24/06/2020
Bà Võ Thị Hồng Linh	Thành viên Ban kiểm soát	

Ban điều hành, quản lý

Ông Trần Minh Nghĩa	Giám đốc	Bổ nhiệm 24/06/2020
Ông Nguyễn Xuân Phú	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/06/2020
Ông Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc	
Bà Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG
Số 196, đường Hồ Phong, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2020 đến 24/06/2020 là ông Nguyễn Xuân Phú - Giám đốc và từ ngày 25/06/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Minh Nghĩa - Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AIC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

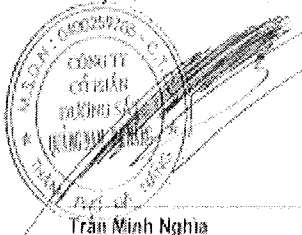

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Minh Nghĩa
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm toán AF-C Việt Nam
 Audit & Finance Audit Co., Ltd.
 Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
 Member firm of PKF member firms
 Số: 085202130001-173-00013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

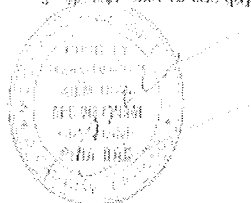
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Thế Đức

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0955-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020	Đơn vị: VND 01/01/2020
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.263.278.762	62.592.097.448
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.666.961.946	1.544.436.556
1. Tiền	111		1.224.336.946	644.436.556
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.442.625.000	900.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.634.712.402	52.710.645.499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	63.567.730.755	51.097.969.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	72.960.000	112.746.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	16.356.946.250	2.316.950.062
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.162.916.003)	(818.931.053)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	20.636.172.473	8.227.067.361
1. Hàng tồn kho	141		20.636.172.473	8.227.067.361
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		325.431.941	109.948.032
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	99.890.303	109.948.032
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		225.541.638	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.422.251.865	9.864.355.345
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		8.899.243.564	9.219.939.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	7.632.186.268	8.129.661.476
- Nguyên giá	222		28.306.906.039	27.662.623.216
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.674.719.769)	(19.463.661.740)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.067.058.296	1.090.378.296
- Nguyên giá	228		1.166.108.557	1.166.108.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.050.261)	(75.730.261)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		523.008.301	644.415.574
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.9	523.008.301	644.415.574
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VII/ Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		103.685.530.627	72.456.452.793

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 196 Đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		82.997.648.915	52.528.567.831
II Nợ ngắn hạn	310		82.997.648.915	52.528.567.831
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	42.184.888.168	19.040.204.140
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	16.288.948.673	242.768.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	266.437.830	4.085.971.862
4. Phải trả người lao động	314		27.667.262.692	23.646.500.047
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	187.171.000	127.949.408
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	669.675.921	861.040.453
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	3.942.238.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		873.234.710	581.796.048
III Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.687.881.712	19.927.884.962
IV Vốn chủ sở hữu	410	5.17	20.687.881.712	19.927.884.962
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.775.000.000	15.775.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.775.000.000	15.775.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.099.358.000	768.831.500
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.873.525.412	3.387.053.662
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.873.525.412	3.387.053.662
III Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		103.685.530.627	72.456.452.793



Trần Minh Nghĩa
 Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Phan Thị Lan Hương
 Kế toán trưởng

Ngô Kim Thủy
 Người lập biểu

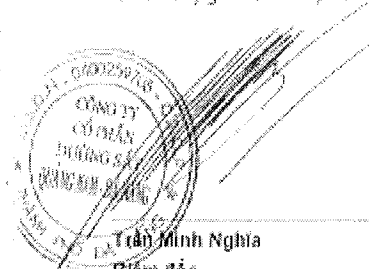
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 160, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị ĐVT: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	158.208.717.433	132.914.508.109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		158.208.717.433	132.914.508.109
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	136.599.889.727	111.355.902.300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.608.827.706	21.558.605.729
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	417.335.162	181.237.717
7. Chi phí tài chính	22	6.4	129.690.697	162.974.975
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		129.690.697	162.974.975
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.715.500.210	17.215.162.664
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.180.965.961	4.361.705.807
11. Thu nhập khác	31	6.6	12.819.646	129.765.273
12. Chi phí khác	32	6.7	605.235.924	243.894.808
13. Lợi nhuận khác	40		(582.416.379)	(114.129.535)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.588.549.582	4.247.576.272
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	715.024.170	800.522.610
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.873.525.412	3.387.053.662
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.800	1.673
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.900	1.673



Trần Minh Nghĩa
 Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Phan Thị Lan Hương
 Kế toán trưởng

Ngô Kim Thủy
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

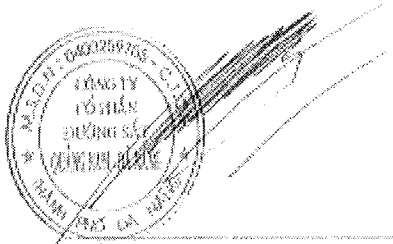
Số 198 Đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.588.549.582	4.247.576.272
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.066.195.203	1.035.475.262
- Các khoản dự phòng	03	343.965.350	456.748.182
- Lợi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(417.335.162)	(151.237.717)
- Chi phí lãi vay	06	129.690.697	162.974.975
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.771.086.874	6.321.536.974
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.493.594.091)	(12.532.095.296)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.267.007.839)	1.042.955.144
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	34.757.771.525	5.885.438.495
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.067.729	607.060.350
- Tiền lãi vay đã trả	14	(129.690.697)	(166.458.197)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(1.270.350.210)	(944.291.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(855.840.000)	(826.736.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.835.743.361	137.912.320
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(700.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	282.058.039	174.902.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(417.941.971)	174.902.580
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.388.425.000	14.265.337.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.330.663.000)	(14.115.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.353.938.000)	(1.258.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.296.176.000)	(1.110.886.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.122.525.390	(798.171.094)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.544.436.556	2.342.607.650
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.666.961.946	1.544.436.556



Trần Minh Nghĩa
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Phan Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Kim Thủy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400253705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/07/2020.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 6 là 16.776.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 05/04/2016 với mã chứng khoán là DNR, số lượng cổ phiếu là 1.577.500 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
XI nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ	Số 196, đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG
Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1.7 Nhân viên

Số lao động bình quân trong năm 2020 là 599 người, năm 2019 là 585 người. Số lao động thực tế tại ngày 31/12/2020 là 602 người, tại ngày 01/01/2020 là 579 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/06/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các lường tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền lệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196, Đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 36
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 100, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí khác phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay nhằm phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông

4.11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Mức phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như là do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Năm 2020, theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

4.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 136 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trong việc kiểm soát mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	54.890.171	111.298.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.158.446.775	633.139.698
Các khoản tương đương tiền	3.442.525.000	900.000.000
Cộng	4.666.961.946	1.544.438.556

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>				
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	47.838.174.639	-	44.090.396.614	-
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	-	-	703.193.000	-
Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng	131.118.000	-	1.906.803.600	-
Ban QLDA Đường sắt Khu vực 2	13.846.435.845	-	6.432.866.300	-
<i>Các bên khác</i>	5.729.556.116	(1.162.916.603)	7.007.873.086	(818.931.053)
Công ty CP Công trình 875	938.631.700	-	938.031.700	-
Các khoản phải thu khác hàng khác	4.790.924.416	(1.162.916.603)	6.069.841.386	(818.931.053)
Cộng	53.567.730.755	(1.162.916.603)	51.097.969.700	(818.931.053)

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các bên khác</i>	72.950.000	-	112.746.800	-
Công ty TNHH Khánh Đông Hưng	-	-	78.000.000	-
Công ty TNHH thép Nhất Hưng	-	-	34.746.800	-
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc	38.000.000	-	-	-
Trung tâm Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải	23.875.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	11.135.000	-	-	-
Cộng	72.950.000	-	112.746.800	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 106, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Phái thu khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dư phòng VND	Giá trị VND	Dư phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	1.931.077.182	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	1.931.077.182	-
<i>Các bên khác</i>	16.156.948.250	-	387.782.870	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	23.931.393	-	3.180.822	-
Kỳ quỹ, kỳ cược (i)	16.060.231.191	-	243.154.315	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	775.500	-	-	-
Tiền bảo hiểm nộp thừa	-	-	2.723.848	-
Phái thu khác	72.010.166	-	138.723.785	-
Cộng	16.156.948.250	-	2.318.860.052	-

(i) Chi tiết các khoản kỳ quỹ, kỳ cược dư tại ngày 31/12/2020 như sau:

- + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng Gói số 4 km800-816 số tiền 285.722.000 VND;
- + Bảo lãnh bảo hành công trình thay ray đến Hải Vân km 756+200-776+000 số tiền 613.000.000 VND;
- + Bảo lãnh tạm ứng gói thầu XL-CY-01: thi công 8 cầu thuộc địa phận Đà Nẵng và Quảng Nam số tiền 3.900.000.000 VND;
- + Kỳ quỹ bảo lãnh bảo lãnh thực hiện hợp đồng Gói 20 số tiền 8.808.438.451 VND;
- + Kỳ quỹ bảo lãnh tạm ứng gói thầu số 10 số tiền 2.742.625.000 VND;
- + Các khoản khác: 110.445.740 VND.

DÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 Đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		-	-	-	-
Các bên khác		1.162.916.603	1.162.916.603	1.162.916.603	818.931.053
Công ty TNHH Trọng Hoàng	> 3 năm	55.050.000	55.050.000	55.050.000	55.050.000
Tổng Công ty Sông Thu	> 3 năm	25.506.175	25.506.175	25.506.175	25.506.175
Công ty CP Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	> 3 năm	61.340.000	61.340.000	61.340.000	61.340.000
Công ty TNHH Weixersin Phạm Sư Mạnh	> 3 năm	20.771.763	20.771.763	20.771.763	20.771.763
Công ty TNHH Tân Hữu Phú	> 3 năm	25.800.000	25.800.000	25.800.000	25.800.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	> 3 năm	173.714.933	173.714.933	173.714.933	173.714.933
XN Xây dựng công trình 9 - Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	> 3 năm	96.454.550	96.454.550	96.454.550	-
Công ty CP Xây dựng giao thông Quảng Nam	> 3 năm	247.531.000	247.531.000	247.531.000	-
Công ty CP đầu tư XD số 8	> 3 năm	456.748.182	456.748.182	456.748.182	456.748.182
Cộng		1.162.916.603	1.162.916.603	1.162.916.603	818.931.053

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	818.931.053	362.182.871
Trích lập trong năm	343.985.550	456.748.182
Số dư cuối năm	1.162.916.603	818.931.053

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.166.715.851	-	5.153.515.354	-
Công cụ, dụng cụ	693.810.321	-	1.065.407.886	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.775.646.301	-	2.008.144.121	-
Cộng	20.636.172.473	-	8.227.067.361	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình gói thầu 10: Thi công cải tạo, nâng cấp (Km 827-830: Trà Kiệu - Phú Cang)	9.560.403.218	-
Công trình gói thầu 01: Thi công 5 cầu thuộc địa phận TP Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam	3.156.074.200	-
Công trình thuê quản lý, vận hành, trực gác chắn đường ngang km 804+614	1.859.316.075	669.141.636
Các dự án khác	2.199.853.799	1.339.032.486
Cộng	16.775.646.301	2.008.144.121

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí thuê bao internet	-	56.879.433
Các khoản khác	99.690.303	53.068.599
Cộng	99.690.303	109.948.032

5.8 Tang, giảm tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	1.166.108.557	1.166.108.557
Số dư tại 31/12/2020	1.166.108.557	1.166.108.557
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2020	75.730.261	75.730.261
Khấu hao trong năm	23.320.000	23.320.000
Số dư tại 31/12/2020	99.050.261	99.050.261
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	1.090.378.296	1.090.378.296
Số dư tại 31/12/2020	1.067.058.296	1.067.058.296

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 0 VND, tại 01/01/2020 là 0 VND

- Giá trị còn lại của TSCĐ của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là 0 VND, tại 01/01/2020 là 0 VND

5.9 Chi phí sản xuất kinh, doanh dở dang dài hạn	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
CT tháo dỡ lắp đặt 4 bộ ghe Nông Sơn km 813+630	369.540.853	369.540.853
CT thi công lắp đặt ống cống km 864+345	153.467.448	153.467.448
CT đường ngang km 787+610 - Bệnh viện ung bướu	-	121.407.273
Cộng	523.008.301	644.415.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196, Đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quan lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	10.599.231.695	9.611.533.815	7.018.403.159	363.454.546	27.992.623.215
Mua trong năm	-	745.500.000	-	-	745.500.000
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(31.818.182)	-	(31.818.182)
Số dư tại 31/12/2020	10.599.231.695	10.357.033.815	6.986.584.977	363.454.546	28.306.305.033
GIÁ TRỊ HAO MÓN					
Số dư tại 01/01/2020	7.351.305.213	6.290.599.993	5.682.751.352	138.405.182	19.463.061.740
Khấu hao trong năm	224.650.392	552.079.530	215.774.185	47.372.000	1.042.876.207
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(31.818.182)	(31.818.182)
Số dư tại 31/12/2020	7.575.955.605	6.842.679.523	5.901.525.537	153.959.000	20.474.119.765
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2020	3.247.926.482	3.320.933.822	1.335.651.807	225.049.364	8.129.561.475
Số dư tại 31/12/2020	3.023.276.090	3.514.354.192	1.085.059.440	209.495.546	7.832.185.268

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 14.893.174.992 VND, tại 01/01/2020 là 9.020.007.535 VND;

- Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để chấp cầm có đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là 0 VND, tại 01/01/2020 là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 185, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	2.270.777.054	2.270.777.054	1.360.356.721	1.360.356.721
Trường Cao đẳng Đường sắt - Phân hiệu Đà Nẵng	384.300.000	384.300.000	274.950.000	274.860.000
CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Yên Miền	27.604.321	27.604.321	27.604.321	27.604.321
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	714.554.733	714.554.733	-	-
Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng	1.144.318.000	1.144.318.000	631.118.000	631.118.000
CN công ty CP vận tải Đường sắt Sài Gòn- XN toa xe Đà Nẵng	-	-	147.665.000	147.665.000
CN công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN SX vật liệu và XD lồng hợp	-	-	299.109.400	299.109.400
Các bên khác	39.884.211.115	39.884.211.115	17.659.847.419	17.659.847.419
Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	4.663.940.565	4.663.940.565	5.486.289.817	5.486.289.817
Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	1.570.955.126	1.570.955.126	2.694.377.236	2.694.377.236
Công ty TNHH Vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh	194.243.362	194.243.362	2.728.221.856	2.728.221.856
Công ty CP cơ khí cầu, đường Hà Nội	451.513.980	451.513.980	1.178.489.980	1.178.489.980
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp Nam Việt	6.737.970.000	6.737.970.000	985.000.000	985.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Đường sắt Đồng Dương	11.433.151.427	11.433.151.427	-	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển HTC	5.228.505.555	5.228.505.555	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại MEC Việt Nam	564.200.080	564.200.080	1.091.631.290	1.091.631.290
Phải trả cho các đối tượng khác	9.039.730.920	9.039.730.920	3.495.837.240	3.495.837.240
Cộng	42.154.988.169	42.154.988.169	19.040.204.140	19.040.204.140

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG
 Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	242.768.883	242.768.883	242.768.883	242.768.883
Công ty CP Đường sắt Bình Tín Thiên	242.768.883	242.768.883	242.768.883	242.768.883
Các bên khác	16.046.179.790	16.046.179.790	-	-
Ban Quản lý dự án Đường sắt	7.271.809.790	7.271.809.790	-	-
Ban Quản lý Dự án 85	8.774.370.000	8.774.370.000	-	-
Cộng	16.288.948.673	16.288.948.673	242.768.883	242.768.883

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi tiền vay phải trả	-	23.329.409
Chi phí tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng liên vật, vệ sinh lao động	79.264.000	104.620.000
Chi phí vận chuyển đá	42.467.000	-
Các khoản trích trước khác	65.440.000	-
Cộng	187.171.000	127.949.409

5.14 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	-	-	524.039.448	524.039.448
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	524.039.448	524.039.448
Các bên khác	569.575.921	569.575.921	337.001.005	337.001.005
Kinh phí công đoàn	180.142.000	180.142.000	167.530.000	167.530.000
Bảo hiểm xã hội	227.923.157	227.923.157	-	-
Bảo hiểm y tế	97.059.525	97.059.525	46.513.840	46.513.840
Bảo hiểm thất nghiệp	41.848.979	41.848.979	13.733.905	13.733.905
Chi phí vật tư thu hồi	-	-	93.630.000	93.630.000
Đồ đạc phải trả	22.601.260	22.601.260	10.289.250	10.289.250
Phải trả khác	-	-	5.304.000	5.304.000
Cộng	569.575.921	569.575.921	861.040.453	861.040.453

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	11.217.742.871	7.990.932.642	-	3.226.809.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	233.859.480	1.270.359.210	715.034.170	-	789.182.520
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.581.370	164.154.528	116.706.495	-	69.879.403
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.622.330.040	1.622.330.040	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí lệ phí và các khoản khác	-	-	213.474.127	213.474.127	-	-
Cộng	-	256.437.850	14.492.001.476	10.557.467.474	-	4.085.971.852

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Giá trị VND	Số có kê nợ năm VND	Trong năm Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có kê nợ năm VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	-	-	7.368.425.000	11.330.553.000	3.942.238.000	3.942.238.000
Cộng	-	-	7.368.425.000	11.330.553.000	3.942.238.000	3.942.238.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2019	15.775.000.000	353.331.300	2.410.911.926	18.539.243.226
Lãi trong năm trước	-	-	3.387.053.662	3.387.053.662
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.262.000.000)	(1.262.000.000)
Trích lập quỹ (i)	-	412.500.000	(1.148.911.926)	(736.411.926)
Số dư tại 31/12/2019	15.775.000.000	765.831.300	3.387.053.662	19.927.884.962
Số dư tại 01/01/2020	15.775.000.000	765.831.300	3.387.053.662	19.927.884.962
Lãi trong năm nay	-	-	3.873.525.412	3.873.525.412
Chia cổ tức (ii)	-	-	(2.366.250.000)	(2.366.250.000)
Trích lập quỹ (ii)	-	273.525.000	(1.020.803.662)	(747.278.662)
Số dư tại 31/12/2020	15.775.000.000	1.039.356.300	3.873.525.412	20.687.881.712

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/04/2019

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	636.411.926
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	412.500.000
Chia cổ tức	1.262.000.000
Tổng	2.410.911.926

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24/06/2020;

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	547.278.662
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	200.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	273.525.000
Chia cổ tức	2.366.250.000
Tổng	3.387.053.662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 100, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	804.525	8.045.250.000	51%	804.525	8.045.250.000	51%
Vốn góp của cổ đông khác	772.975	7.729.750.000	49%	772.975	7.729.750.000	49%
Cộng	1.577.500	15.775.000.000	100%	1.577.500	15.775.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.775.000.000	15.775.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.775.000.000	15.775.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.366.250.000	1.262.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	1.577.500	1.577.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	132.667.506.830	115.070.446.868
Doanh thu hoạt động khác	25.541.210.603	17.844.061.241
Cộng	158.208.717.433	132.914.508.109

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số 196, Đường Hà Phước, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	133.570.573.772	127.247.243.564
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	-	159.810.364
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	-	639.268.364
Công ty CP TITH Đường sắt Đà Nẵng	-	2.077.025.455
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	10.285.063.223	-
Cộng	143.855.586.995	130.123.351.747

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	111.591.801.457	94.469.656.039
Giá vốn hoạt động khác	25.018.094.270	16.885.246.341
Cộng	136.599.895.727	111.355.902.380

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	417.335.162	181.237.717
Cộng	417.335.162	181.237.717

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	129.690.697	162.974.975
Cộng	129.690.697	162.974.975

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.055.795.095	9.690.153.191
Tiền thuê, tiền thuế sử dụng đất	1.331.672.919	1.347.024.376
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.318.032.196	6.277.965.097
Cộng	16.715.500.210	17.215.162.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Thu nhập khác	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản khác	12.819.545	129.765.273
Cộng	12.819.545	129.765.273
6.7 Chi phí khác	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản khác	605.235.924	243.894.808
Cộng	605.235.924	243.894.808
6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.588.549.592	4.247.576.272
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	518.765.924	55.036.808
Các khoản điều chỉnh tăng	518.765.924	55.036.808
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	5.107.315.506	4.302.613.080
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	1.021.463.100	860.522.610
Thuế TNDN được miễn, giảm	(306.438.930)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	715.024.170	860.522.610
6.9 Lãi trên cổ phiếu	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.873.525.412	3.387.053.662
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.873.525.412	3.387.053.662
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(1.034.425.000)	(747.278.862)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.577.500	1.577.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.800	1.673
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.800	1.673

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết ngày 24/05/2020 tại phiên họp thường niên năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 198, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.763.873.570	66.582.711.171
Chi phí nhân công	82.928.040.422	77.490.246.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.066.196.207	1.635.475.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.046.138.820	1.390.999.832
Chi phí khác bằng tiền	13.225.711.437	12.091.222.872
Cộng	168.030.760.456	129.190.655.162

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro khác về giá, chẳng hạn như rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Nhện tại, Công ty không đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm lòng tin cậy của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bổ trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng lõi đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn chênh lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời gian thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	42.154.988.168	-	-	42.154.988.168
Phải trả khác và Chi phí phải trả	209.772.260	-	-	209.772.260
Cộng	42.364.760.428	-	-	42.364.760.428
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	3.942.238.000	-	-	3.942.238.000
Phải trả người bán	19.040.204.140	-	-	19.040.204.140
Phải trả khác và Chi phí phải trả	761.212.116	-	-	761.212.116
Cộng	23.743.654.256	-	-	23.743.654.256

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 195, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị hợp lý

Sơ sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	52.404.814.152	50.279.038.647	52.404.814.152	50.279.038.647
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	16.156.172.750	2.316.135.104	16.156.172.750	2.316.135.104
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản lương đương tiền	4.656.951.946	1.544.435.556	4.656.951.946	1.544.435.556
Tổng cộng	73.227.948.848	54.138.611.307	73.227.948.848	54.138.611.307
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ				
Phải trả người bán	42.154.988.189	19.040.204.140	42.154.988.189	19.040.204.140
Phải trả khác và Chi phí phải trả	209.772.260	761.212.116	209.772.260	761.212.116
Tổng cộng	42.364.760.449	23.743.654.256	42.364.760.449	23.743.654.256

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác lương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
 Số 195, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

9.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

9.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây Dựng lồng hợp	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Thống tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - XN Cao su Đường sắt	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - XN Tọa xe Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Hoa văn Ca Nũ Thành	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Vận tải Huế	Công ty con thuộc Tổng Công ty
CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty
Ban QLDA Đường sắt KV2	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trường Cao đẳng Đường sắt - Phân hiệu Đà Nẵng	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty

9.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập	2.257.308.600	1.972.402.054

Công ty không có giao dịch và số dư phải thu/phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt

9.2.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 8.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 156 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Thu tiền hoạt động SCTX	145.303.068.268	117.071.165.042
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	-	139.741.800
Kinh phí hỗ trợ cảnh giới đường ngang, đảm bảo an toàn chạy lâu	-	139.741.800
Chi phí thuê sử dụng tài sản	966.561.614	1.014.278.447
Thu tiền kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN HỒ số 21/QT-CN-HD ngày 14/11/18	-	266.000.000
Thu tiền bảo lữ	-	1.461.904.000
Thu tiền hợp đồng sửa chữa thay ray đào Hải Vân	2.067.588.616	8.852.959.107
Trả tiền thuê máy móc thiết bị	934.794.491	3.084.791.661
Trả cổ tức	1.206.787.500	643.620.000
Trả các khoản nợ các công trình	-	500.000.000
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	-	176.798.000
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	703.193.000	573.883.422
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp		
Mua vật tư	-	436.554.000
Trả tiền mua vật tư	299.109.400	202.000.000
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	1.775.685.600	806.406.400
Chi phí thuê thi công công trình	830.121.618	-
Chi tiền tạm ứng kinh phí thuê thi công công trình	400.000.000	-
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm		
Trả tiền mua vật tư	-	174.729.200
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Đà Nẵng		
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	134.240.900
Trả tiền sửa chữa, bảo dưỡng	147.665.000	-
Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn - Hòa vận gư Nữ Thành		
Cước vận chuyển đá	1.217.213.000	1.276.559.000
Trả tiền cước vận chuyển đá	1.338.934.300	1.324.353.800
CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - XN Dầu máy Yên Viên		
Chi phí kiểm tra chất lượng cầu đường	25.094.837	27.604.321
Trả tiền kiểm tra chất lượng cầu đường	27.604.321	27.604.321
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Vận tải Huế		
Thanh toán tiền vận chuyển đá	298.090.000	-
Cước vận chuyển đá	271.900.000	-
Trường cao đẳng Đường sắt - Phần hiệu Đà Nẵng		
Chi phí đào tạo	535.605.000	377.130.000
Trả tiền đào tạo	426.165.000	119.770.000
Trung tâm Y tế Đường sắt		
Chi phí khám sát, đo kiểm tra môi trường LD	-	4.090.909
Trả tiền chi phí kiểm tra MT cho TT Y tế đường sắt	-	4.500.000
Ban QLDA Đường sắt KV2		
Thu tiền tạm ứng thi công công trình	3.900.000.000	-

Sở dĩ với các bên liên quan

Sở dĩ với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.2, 5.4, 5.11, 5.12, 5.14

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.3 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động quản lý báo đường kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.9 - Lãi trên cổ phiếu.

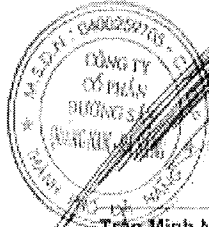
TT	Khoản mục	Mã số	Số theo BCKIT năm 2019	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.743	1.673	(70)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.743	1.673	(70)

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định công bố như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tính hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Trần Minh Nghĩa
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Phan Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Kim Thủy
Người lập biểu

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Trần Minh Nghĩa